ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 751 /QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 06 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực bảo vệ thực vật, thú y, thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1181/QĐ-BNN-BVTV ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;Quyết định số 1213/QĐ-BNN-TS ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Quyết định số 1214/QĐ-BNN-TY ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 257/TTr-SNN ngày 03 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mới kèm theo Quyết định này Danh mục **11** *(Mười một)* thủ tục hành chính (TTHC) (cấp tỉnh: 10 TTHC, cấp huyện: 01 TTHC), bãi bỏ 12 (*Mười hai*) TTHC được công bố tại Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phê duyệt **11** (*Mười một*) quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC và bãi bỏ **12** (*Mười hai*) quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (lĩnh vực bảo vệ thực vật: 01 quy trình, lĩnh vực thủy sản: 10 quy trình, lĩnh vực thú y: 01 quy trình).

Điều 2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định này thông báo và đăng tải công khai Danh mục TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa; Danh mục TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích; Danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý. Truy cập địa chỉ http://csdl.dichvucong.gov.vn để khai thác, sử dụng dữ liệu TTHC được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, cung cấp nội dung TTHC cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và niêm yết, công khai TTHC theo quy định. Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC tại phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC-Văn phòng CP (b/c);
- Thường trực TU;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- TT PVHCC tỉnh;
- Cổng TTĐT (đăng tải);
- Lưu: VT, THNV.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Quỳnh Thiện

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI VÀ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số 751 /QĐ-UBND ngày 06 / 05 /2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
I. CẤP TỈNH								
A. Lĩnh vực thú y								
01	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (1.002338) **Có hiệu lực ngày 16/5/2024**	Một phần	**- Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:**	Trạm Kiểm dịch	- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công	Trạm kiểm dịch thuộc Chi cục Chăn nuôi và thú y	Trực tiếp	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; - Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016;

			* *Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y:* Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch. * *Đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục*		tác thú y; - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật			- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn - Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật

			XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT): Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch. ***- Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh*** ** Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại*					

			khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch ** Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số*					

			25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.					
Lĩnh vực thủy sản								
01	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ) 1.004918 **Có hiệu lực ngày**	Một phần	**- Trường hợp cấp mới:** 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ . **- Trường hợp cấp lại:** 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Chưa quy định	Chi cục Thủy sản – Quản lý chất lượng	-Nộp trực tuyến trên Cổng DVC tỉnh hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP

	19/5/2024						Trà Vinh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản
02	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) 1.004915 **Có hiệu lực ngày 19/5/2024**	Một phần	- **Trường hợp cấp mới:** 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - **Trường hợp cấp lại:** 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Mức thu phí 5.700.000 đồng/lần (Mức phí trên chưa bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế, phù hợp với quy định).	Chi cục Thủy sản – Quản lý chất lượng		
03	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu) 1.004913 **Có hiệu lực ngày 19/5/2024**	Một phần	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Chưa có văn bản quy định	Chi cục Thủy sản – Quản lý chất lượng	-Nộp trực tuyến trên Cổng DVC tỉnh hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP
04	Công bố mở cảng cá loại 2 1.004694 **Có hiệu lực ngày 19/5/2024**	Một phần	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Chưa có văn bản quy định	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển		

						nông thôn	Trà Vinh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản
05	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá 1.004697 **Có hiệu lực ngày 19/5/2024**	Một phần	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Chưa có văn bản quy định	Chi cục Thủy sản-Quản lý chất lượng	-Nộp trực tuyến trên Cổng DVC tỉnh hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản
06	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực 1.004692 **Có hiệu lực ngày 19/5/2024**	Toàn trình	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Chưa có văn bản quy định	Chi cục Thủy sản-Quản lý chất lượng		
07	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thuỷ sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý) 1.004684	Toàn trình	- **Trường hợp cấp mới:** 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ - **Trường**	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà	Chưa có văn bản quy định	Chi cục Thủy sản-Quản lý chất lượng	-Nộp trực tuyến trên Cổng DVC tỉnh hoặc Cổng Dịch vụ	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP

	Có hiệu lực ngày 19/5/2024		**hợp cấp lại/gia hạn:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Vinh			công quốc gia. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản
08	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản 1.004359 **Có hiệu lực ngày 19/5/2024**	Toàn trình	**- Đối với cấp mới:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ **- Đối với cấp lại** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	- Lệ phí cấp mới 40.000 đồng/lần; - Lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần	Chi cục Thủy sản-Quản lý chất lượng		
09	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển 1.004344 **Có hiệu lực ngày 19/5/2024**	Toàn trình	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Không	Chi cục Thủy sản-Quản lý chất lượng	-Nộp trực tuyến trên Cổng DVC tỉnh hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ

							- Qua dịch vụ bưu chính công ích.	quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản
II. CẤP HUYỆN								
A. Lĩnh vực thủy sản								
01	Công bố mở cảng cá loại 3 1.004478 **Có hiệu lực ngày 19/5/2024**	Một phần	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Không	Ủy ban nhân dân cấp huyện	-Nộp trực tuyến trên Cổng DVC tỉnh hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia. - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Tên, mã số TTHC
CẤP TỈNH	

Lĩnh vực thú y	
1	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (1.002338)
Lĩnh vực thủy sản	
1	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ sản (trừ giống thuỷ sản bố mẹ) (1.004918)
2	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thuỷ sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thuỷ sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) (1.004915)
3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thuỷ sản (theo yêu cầu) (1.004913)
4	Công bố mở cảng cá loại 2 (1.004694)
5	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá (1.004697)
6	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thuỷ sản lồng bè, đối tượng thuỷ sản nuôi chủ lực (1.004692)
7	Cấp phép nuôi trồng thuỷ sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý) (1.004684)
8	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thuỷ sản (1.004359)
9	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển (1.004344)
Lĩnh vực bảo vệ thực vật	
1	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật (1.004509) Quyết định số 1181/QĐ-BNN-BVTV ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
CẤP HUYỆN	
Lĩnh vực thủy sản	
1	Công bố mở cảng cá loại 3

Phụ lục II

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THÚ Y, THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số 751 /QĐ-UBND ngày 06 / 05/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

CẤP TỈNH

*** Lĩnh vực thú y**

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

**** Đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT)***

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 01 (ngày làm việc) x 8 giờ = 08 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
Bước 1	Trạm Kiểm dịch động vật	Kiểm dịch viên trạm kiểm dịch	- Tiếp nhận đăng ký kiểm dịch - Thực hiện quy trình kiểm dịch và cấp giấy kiểm dịch	08 giờ			

1.1 Tên Thủ tục hành chính: Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

**** Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y:***

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 (ngày làm việc)) x 8 giờ = 40 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0 đ)
Bước 1	Trạm Kiểm dịch động vật	Kiểm dịch viên trạm kiểm dịch	- Tiếp nhận đăng ký kiểm dịch	08 giờ			

Bước 2	Trạm Kiểm dịch động vật	Kiểm dịch viên trạm kiểm dịch	-Thực hiện quy trình kiểm dịch và cấp giấy kiểm dịch	32 giờ			

*** Lĩnh vực thủy sản**

1. Tên thủ tục hành chính: Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)

Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: - 10 ngày làm việc x 8 giờ = 80 giờ (cấp mới)

- 02 ngày làm việc x 8 giờ = 16 giờ (cấp lại)

Bước thực hiện	**Đơn vị thực hiện**	**Người thực hiện**	**Kết quả thực hiện**	**Thời gian quy định**	**Trước hạn (2đ)**	**Đúng hạn (1đ)**	**Quá hạn (0 đ)**
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ 04 giờ			
Bước 2	Chi cục Thủy sản (Phòng Nuôi trồng thủy sản)	Lãnh đạo phòng	- Duyệt hồ sơ, chuyển công văn xử lý	02 giờ			
		Chuyên viên	Kiểm tra thành phần hồ sơ và thẩm định nội dung hồ sơ: - Phù hợp thì tiến hành xử lý/ giải quyết; Dự thảo giấy chứng nhận. - Chưa phù hợp thì dự thảo công văn trả lời. - Trình lãnh đạo phê duyệt	72 giờ 08 giờ			
Bước 3	Chi cục Thủy sản	Lãnh đạo cơ quan	Phê duyệt kết quả: Ký giấy chứng nhận hoặc ký công văn trả lời	01 giờ			
Bước 4	Phòng Hành chính -Tổng hợp	Văn thư	- Đóng dấu - Gửi kết quả TTPVHCC	01 giờ			
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

2. Tên thủ tục hành chính: Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thuỷ sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thuỷ sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)

Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: - 10 ngày làm việc x 8 giờ = 80 giờ (cấp mới)

- 02 ngày làm việc x 8 giờ = 16 giờ (cấp lại)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0 đ)
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ 04 giờ			
Bước 2	Chi cục Thủy sản (Phòng Nuôi trồng thủy sản)	Lãnh đạo phòng	- Duyệt hồ sơ, chuyển công văn xử lý	02 giờ			
		Chuyên viên	Kiểm tra thành phần hồ sơ và thẩm định nội dung hồ sơ: - Phù hợp thì tiến hành xử lý/ giải quyết; Dự thảo giấy chứng nhận. - Chưa phù hợp thì dự thảo công văn trả lời. - Trình lãnh đạo phê duyệt	72 giờ 08 giờ			
Bước 3	Chi cục Thủy sản	Lãnh đạo cơ quan	Phê duyệt kết quả: Ký giấy chứng nhận hoặc ký công văn trả lời	01 giờ			
Bước 4	Phòng Hành chính -Tổng hợp	Văn thư	- Đóng dấu. - Gửi kết quả TTPVHCC.	01 giờ			
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

3. Tên thủ tục hành chính: Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)
Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc x 8 giờ = 64 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0 đ)
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
Bước 2	Chi cục Thủy sản (Phòng Nuôi trồng thủy sản)	Lãnh đạo phòng	- Duyệt hồ sơ, chuyển công văn xử lý	01 giờ			
		Chuyên viên	Kiểm tra thành phần hồ sơ và thẩm định nội dung hồ sơ: - Phù hợp thì tiến hành xử lý/ giải quyết; Dự thảo giấy chứng nhận. - Chưa phù hợp thì dự thảo công văn trả lời. - Trình lãnh đạo phê duyệt.	56 giờ			
Bước 3	Chi cục Thủy sản	Lãnh đạo cơ quan	Phê duyệt kết quả: Ký giấy chứng nhận hoặc ký công văn trả lời.	02 giờ			
Bước 4	Phòng Hành chính -Tổng hợp	Chuyên viên	- Đóng dấu - Gửi kết quả TTPVHCC	01 giờ			
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

4. Công bố mở cảng cá loại 2
Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 04 ngày làm việc x 8 giờ = 32 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)

Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
Bước 2	Chi cục Thủy sản	Chuyên viên	- Xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế, lập Tờ trình	14 giờ			
	Sở Nông nghiệp và PTNT	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	- Phê duyệt Tờ trình gởi UBND tỉnh	06 giờ			
Bước 3	UBND tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh)	Lãnh đạo UBND tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh)	- Ban hành Quyết định công bố mở cảng cá	08 giờ			

5. Tên thủ tục hành chính: Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá

Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 05 ngày làm việc x 8 giờ = 40 giờ

Bước thực hiện	**Đơn vị thực hiện**	**Người thực hiện**	**Kết quả thực hiện**	**Thời gian quy định**	**Trước hạn (2đ)**	**Đúng hạn (1đ)**	**Quá hạn (0 đ)**
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
Bước 2	Chi cục Thủy sản (Phòng Tàu cá, cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá)	Lãnh đạo phòng	- Duyệt hồ sơ, chuyển chuyên viên xử lý.	04 giờ			
		Chuyên viên	- Xử lý hồ sơ; - Trình lãnh đạo phòng xem xét; - Trình lãnh đạo phê duyệt.	24 giờ			
Bước 3	Chi cục Thủy sản	Lãnh đạo cơ quan	- Phê duyệt kết quả.	04 giờ			
Bước 4	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	Đóng dấu; - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

6. Tên thủ tục hành chính: Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thuỷ sản lồng bè, đối tượng thuỷ sản nuôi chủ lực

Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 04 ngày làm việc x 8 giờ = 32 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0 đ)	Trước hạn (2đ)
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ				
Bước 2	Chi cục Thủy sản (Phòng Nuôi trồng thủy sản)	Lãnh đạo phòng	- Duyệt hồ sơ, chuyển công văn xử lý	01 giờ				
		Chuyên viên	Kiểm tra thành phần hồ sơ và thẩm định nội dung hồ sơ: - Phù hợp thì tiến hành xử lý/ giải quyết; Dự thảo giấy xác nhận. - Chưa phù hợp thì dự thảo công văn trả lời. - Trình lãnh đạo phê duyệt	24 giờ				
Bước 3	Chi cục Thủy sản	Lãnh đạo cơ quan	Phê duyệt kết quả: Ký giấy xác nhận hoặc ký công văn trả lời	02 giờ				
Bước 4	Phòng Hành chính -Tổng hợp	Văn thư	- Đóng dấu - Gửi kết quả TTPVHCC	01 giờ				
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.					

7. Tên thủ tục hành chính: Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thuỷ sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)

Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: - 30 ngày làm việc x 8 giờ = 240 giờ (cấp mới)

- 05 ngày làm việc x 8 giờ = 40 giờ (cấp lại)

Bước thực	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn

hiện				quy định	(2đ)	(1đ)	(0 đ)
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
Bước 2	Chi cục Thủy sản (Phòng Nuôi trồng thủy sản)	Lãnh đạo phòng	- Duyệt hồ sơ, chuyển công văn xử lý	02 giờ			
		Chuyên viên	Kiểm tra thành phần hồ sơ và thẩm định nội dung hồ sơ: - Phù hợp thì tiến hành xử lý/ giải quyết; Dự thảo giấy phép.	230 giờ			
			- Chưa phù hợp thì dự thảo công văn trả lời. - Trình lãnh đạo phê duyệt	30 giờ			
Bước 3	Chi cục Thủy sản	Lãnh đạo cơ quan	Phê duyệt kết quả: Ký giấy phép hoặc ký công văn trả lời	02 giờ			
Bước 4	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Văn thư	- Đóng dấu - Gửi kết quả TTPVHCC	02 giờ			
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

8. Tên thủ tục hành chính: Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản

Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: - 03 ngày làm việc x 8 giờ = 24 giờ (cấp mới)

- 02 ngày làm việc x 8 giờ = 16 giờ (cấp lại)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
Bước 2	Chi cục Thủy sản (Phòng Khai thác và	Lãnh đạo phòng	- Duyệt hồ sơ, chuyển chuyên viên xử lý.	04 giờ			

	Phát triển nguồn lợi thủy sản)			02 giờ			
		Chuyên viên	- Xử lý hồ sơ; - Trình lãnh đạo phòng xem xét; - Trình lãnh đạo phê duyệt.	14 giờ 08 giờ			
Bước 3	Chi cục Thủy sản	Lãnh đạo cơ quan	- Phê duyệt kết quả.	01 giờ			
Bước 4	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Văn thư	- Đóng dấu; - Gửi kết quả TTPVHCC.	01 giờ			
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

9. Tên thủ tục hành chính: Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển

Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 01 ngày làm việc x 8 giờ = 08 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	02 giờ			
Bước 2	Chi cục Thủy sản (Phòng Tàu cá, cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá)	Lãnh đạo phòng	- Duyệt hồ sơ, chuyển chuyên viên xử lý.	01 giờ			
		Chuyên viên	- Xử lý hồ sơ; - Trình lãnh đạo phòng xem xét; - Trình lãnh đạo phê duyệt.	03 giờ			
Bước 3	Chi cục Thủy sản	Lãnh đạo cơ quan	- Phê duyệt kết quả.	01 giờ			
Bước 4	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	- Đóng dấu; - Gửi kết quả TTPVHCC.	01 giờ			
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

CẤP HUYỆN

Lĩnh vực thủy sản

1. Tên thủ tục hành chính: Công bố mở cảng cá loại 3

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 06 ngày x 8 giờ = 48 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
Bước 1	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
Bước 2	Phòng, ban chuyên môn cấp huyện	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	44 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Tiến hành xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
Bước 3	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
Bước 4	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTHC.				
Bước 5	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	-Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				